

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH
PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ HALAL

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo

1.1. Bối cảnh quốc tế

Theo tiếng Ả Rập, "Halal" có nghĩa là "được phép" và "Haram" là những điều cấm kỵ. Với tín ngưỡng của mình, người Hồi giáo chỉ sử dụng những sản phẩm được Thượng đế (Allah) cho phép và thể hiện sự cho phép là sản phẩm đó được chứng thực Halal theo Kinh Qur'an và Luật Shari'ah của Hồi giáo. Các sản phẩm Halal bao gồm hầu như tất cả sản phẩm thiết yếu của cuộc sống như thực phẩm, đồ uống, thực phẩm hữu cơ, thực phẩm chức năng, dược phẩm, mỹ phẩm, dệt may, thủ công mỹ nghệ đến lĩnh vực dịch vụ như: ngân hàng, du lịch, an ninh, giáo dục và đào tạo, dịch vụ ăn uống, khách sạn, logistics. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), chỉ riêng du lịch của người Hồi giáo đã chiếm 10% nền kinh tế du lịch thế giới với mức chi tiêu cho du lịch ước tính đạt 200 tỷ USD. Do đó phát triển ngành sản xuất và dịch vụ về Halal sẽ thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực, dịch vụ phụ trợ đi kèm.

Thị trường Halal toàn cầu có tiềm năng rất lớn xét về quy mô dân số Hồi giáo, với khoảng 1,94 tỷ người vào năm 2022, chiếm gần 1/4 dân số thế giới. Dân số Hồi giáo sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trung bình 1,5%/năm, cao gấp đôi so với dân số phi Hồi giáo (0,7%/năm) và dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ người vào năm 2050. Theo dự báo, đến năm 2050 thế giới sẽ có 51 quốc gia có người Hồi giáo chiếm đa số, tăng 02 nước so với năm 2010 (Macedonia, Bosnia và Herzegovina)¹.

Quy mô nền kinh tế Halal toàn cầu đạt 7000 tỷ USD năm 2022 và dự kiến tăng lên khoảng 10.000 tỷ USD năm 2028² nhờ tăng trưởng quy mô dân số Hồi giáo, mức chi tiêu, sự đa dạng về lĩnh vực và triển vọng tăng trưởng trong tương

¹ Theo Báo cáo năm 2022 về tương lai dân số Hồi giáo toàn cầu của Pew Research Center.

² Theo World Halal Summit Council (4/2022).

lai với tốc độ khoản 6-8%/năm³.

Thực phẩm là lĩnh vực tiêu dùng chính của các nền kinh tế Hồi giáo. Quy mô và tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực thực phẩm Halal toàn cầu được các tổ chức nghiên cứu dự báo có tiềm năng phát triển rất cao trong thời gian tới. Theo nghiên cứu của Tổ chức Nghiên cứu thị trường Zion (Ấn Độ), quy mô lĩnh vực thực phẩm Halal toàn cầu năm 2022 đạt 2.301,45 tỷ USD và dự báo đạt 4.115,87 tỷ USD vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của thị trường thực phẩm Halal toàn cầu giai đoạn 2023-2030 đạt 7,7%/năm⁴. Tập đoàn Nghiên cứu và Tư vấn Phân tích Thị trường Quốc tế (IMARC) cũng đưa ra dự báo tương đối sát với nghiên cứu của hãng Zion trong đó quy mô của thị trường thực phẩm Halal toàn cầu năm 2023 đạt 2.467,9 tỷ USD và có khả năng tăng gấp 2,5 lần, đạt 5.814,3 tỷ USD vào trước năm 2032. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của thị trường thực phẩm Halal toàn cầu giai đoạn 2024-2032 ước đạt 9,7% năm⁵.

Du lịch Halal, hay còn gọi là du lịch thân thiện với người Hồi giáo, là hình thức du lịch tuân thủ các nguyên tắc và quy định của đạo Hồi. Theo đó, các dịch vụ như ăn uống, lưu trú, vận chuyển, giải trí và mua sắm được trải nghiệm trên cơ sở tuân thủ các quy định và nguyên tắc của đạo Hồi. Sản phẩm du lịch Halal cung cấp các gói dịch vụ và điểm đến được thiết kế đặc biệt để đáp ứng nhu cầu của người Hồi giáo. Ngoài ra, dựa trên giáo lý của đạo Hồi, du lịch Halal cũng khuyến khích các cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em đi du lịch cùng gia đình, mang lại sự an toàn và hạnh phúc.

Nhu cầu du lịch Halal đang tăng lên trên phạm vi toàn cầu, ở các nước Hồi giáo và phi Hồi giáo do sự gia tăng của dân số Hồi giáo và nhu cầu chi tiêu cho du lịch của nhóm dân số này. Dân số người Hồi giáo toàn cầu sẽ tăng từ khoảng 2 tỷ người năm 2024 lên 2,2 tỷ người vào năm 2030. Theo báo cáo chỉ số Hồi giáo toàn cầu, những năm gần đây số người theo đạo Hồi đi du lịch trên thế giới tăng khá nhanh. Nếu năm 2013 khoảng 108 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch thì đến năm 2019 đã đạt 160 triệu lượt. Sau 2 năm đại dịch, từ năm 2021 tốc độ phục hồi thị trường khách Hồi giáo dần ổn định. Năm 2023, có khoảng 140 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch khắp nơi trên thế giới. Đến năm 2028, ước khoảng 230 triệu lượt khách du lịch Hồi giáo sẽ đi du lịch ra nước ngoài, chi tiêu sẽ lên tới 225 tỉ USD⁶.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm Halal phân bố khắp thế giới, từ các nước Hồi giáo đến phi Hồi giáo, từ các nền kinh tế phát triển đến đang phát triển, do các sản phẩm Halal đáp ứng nhiều tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm sức

³ Hiện thống kê, dữ liệu chính thức liên quan đến kinh tế Halal còn tương đối hạn chế, các dữ liệu, thống kê của SERSIC (là cơ quan trực thuộc OIC) và SGIE (được thực hiện dưới sự bảo trợ của chính phủ UAE) được đánh giá là mang tính chính thức, đáng tin cậy nhất. Mặc dù còn có khác biệt trong số liệu, các nghiên cứu, báo cáo đều có nhận định chung là nền kinh tế Hồi giáo sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới với tốc độ khoảng 6-8%/năm.

⁴ Theo nghiên cứu Tổ chức Nghiên cứu thị trường Zion (Ấn Độ)

⁵ Theo nghiên cứu Tập đoàn Nghiên cứu và Tư vấn Phân tích Thị trường Quốc tế (IMARC)

⁶ Theo số liệu cung cấp tại công văn số 1557/BVHTTDL-DLQGVN ngày 15/04/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

khỏe, chất lượng, xanh, sạch, có đạo đức trong chế biến và góp phần bảo vệ môi trường...

Thị trường Malayxia cũng thiếu nguồn cung các sản phẩm Halal. Theo Tập đoàn Phát triển Halal của Malayxia (HDC), vẫn còn khoảng 80% trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ Halal để đáp ứng nhu cầu.

Singapore có nhu cầu cao về hàng hóa Halal dù người đạo Hồi chỉ chiếm 14% dân số do quốc gia này đón hàng triệu khách du lịch mỗi năm từ Trung Đông và Trung Á – Là những quốc gia tiêu thụ nhiều sản phẩm Halal.

Các quốc gia Hồi giáo tiêu biểu tại khu vực Tây Á - Châu Phi cũng có nhu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm Halal như: Ả rập Xê -út (Saudi Arabia), Các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE), Ai Cập, Ma-Rốc,...

Quy định về hoạt động chứng nhận Halal và mô hình tổ chức chứng nhận Halal tùy thuộc vào đặc thù của từng quốc gia nhưng đều có những đặc điểm chung như: Có hội đồng giáo luật là người Hồi giáo, có trình độ am hiểu về luật Hồi giáo; có hội đồng chuyên gia kỹ thuật bao gồm người có trình độ về hoá học, sinh học hoặc liên quan đến thực phẩm; có hội đồng chứng nhận là người Hồi giáo có trình độ về giáo lý, giáo luật và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đối với các nước vùng Vịnh có Tiêu chuẩn vùng Vịnh bao gồm những hướng dẫn và yêu cầu đối với việc nhập khẩu một loạt các loại lương thực, thực phẩm, thịt và sản phẩm thịt. Ở các quốc gia có Hồi giáo là quốc giáo, việc kiểm soát sự tuân thủ tiêu chuẩn Halal và công nhận các tổ chức chứng nhận Halal ở nước ngoài thuộc chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước.

Tại Các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất – UAE: Bộ Công nghiệp và Công nghệ Tiên tiến (MoIAT) chịu trách nhiệm về các hoạt động tiêu chuẩn hóa. Một trong những chức năng chính của MoIAT là ban hành các tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật của UAE thông qua các Ủy ban kỹ thuật chuyên ngành. MoIAT thông qua chương trình kỹ thuật của Ủy ban kỹ thuật về tiêu chuẩn thực phẩm và nông sản. Năm 2015, UAE ban hành tiêu chuẩn thay thế cho tiêu chuẩn GSO 1931: 2009, với yêu cầu chung đối với thực phẩm Halal như: tất cả các loại thực phẩm, những sản phẩm, bộ phận và chất chiết xuất của chúng phải tuân thủ các quy định của Hồi giáo; phải tôn trọng quy tắc Hồi giáo trong tất cả các giai đoạn của chuỗi thức ăn thực phẩm Halal, bao gồm các phụ gia thực phẩm và nguyên liệu được sử dụng để sản xuất, việc đóng gói, ghi nhãn, vận chuyển, phân phối, lưu trữ, trưng bày và dịch vụ thực phẩm Halal; tất cả các sản phẩm không phải Halal phải được tách hoàn toàn khỏi các sản phẩm Halal trong toàn bộ chuỗi thức ăn để đảm bảo không gây nhiễm chéo. Các cơ quan của chính quyền UAE thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để xác minh sự tuân thủ của các sản phẩm với các yêu cầu đặc biệt của sản phẩm Halal và có thể thực hiện các thủ tục phù hợp theo luật pháp các nước khác.

Tại Ảrập Ai Cập: Tổ chức Tiêu chuẩn và Chất lượng Ai Cập (EOS) là cơ quan quốc gia trực thuộc Bộ Công nghiệp và Thương mại có thẩm quyền về chất lượng, chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động liên quan tiêu chuẩn và đo lường

công nghiệp nhằm bảo đảm chất lượng các sản phẩm của Ai Cập, trong đó có các sản phẩm Halal. EOS có nhiều chức năng, trong đó có trách nhiệm việc cấp chứng chỉ Halal, bao gồm cả việc kiểm tra và thanh tra. Năm 2012, Bộ Công nghiệp và Thương mại Ai Cập ban hành Thông tư khẳng định EOS là cơ quan có thẩm quyền duy nhất của Ai Cập trong việc cấp phép các công ty sản xuất sản phẩm Halal. EOS đã thành lập đơn vị chuyên trách trực thuộc phụ trách về lĩnh vực Halal có nhiệm vụ: cung cấp thông tin về ý nghĩa quan trọng của việc cấp chứng chỉ Halal cho các công ty có nhu cầu; cấp chứng chỉ Halal cho các sản phẩm đã đạt yêu cầu; bồi dưỡng, tập huấn về Halal; theo dõi, giám sát và quan hệ đối ngoại liên quan đến vấn đề Halal.

Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) có Viện Tiêu chuẩn và Đo lường các quốc gia Hồi giáo (SMIIC) có nhiệm vụ xây dựng các tiêu chuẩn Halal cho sản phẩm sản xuất ở các nước thành viên OIC và hợp tác với các nước ngoài OIC về lĩnh vực tiêu chuẩn Halal. SMIIC xây dựng các tiêu chuẩn mới nhằm thực hiện các tiêu chuẩn hài hòa ở các nước thành viên và loại bỏ các rào cản kỹ thuật trong thương mại nhằm phát triển thương mại giữa các nước trong khối. Phát triển các tiêu chuẩn Halal là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong chương trình làm việc của SMIIC, hiện nay SMIIC đang phát triển các tiêu chuẩn thông qua các ủy ban kỹ thuật về thực phẩm Halal, mỹ phẩm Halal, du lịch Halal, chuỗi cung ứng Halal và hệ thống quản lý Halal, với ba tiêu chuẩn cốt lõi là: về thực phẩm Halal, về tổ chức chứng nhận Halal và về công nhận tổ chức chứng nhận Halal. SMIIC cung cấp hướng dẫn cho các nhà sản xuất, cơ quan chứng nhận và cơ quan kiểm định hoạt động trong sản xuất sản phẩm Halal, chứng nhận Halal tại các quốc gia OIC. Ngoài ra, SMIIC còn hợp tác với các nước ngoài OIC, trong đó có các nước ASEAN về lĩnh vực tiêu chuẩn Halal với mong muốn các tiêu chuẩn Halal được áp dụng cho tất cả các nơi trên thế giới.

Tại khu vực ASEAN: tổ chức và hoạt động chứng nhận Halal rất đa dạng, tùy thuộc vào từng quốc gia, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội và tổ chức tư nhân của người Hồi giáo.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thành lập Ban Thư ký Halal để thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp Halal trong khu vực và xa hơn nữa. Việc thành lập này, được công bố tại Đối thoại bàn tròn Halal ASEAN lần đầu tiên tại Kuala Lumpur, Malaysia, thể hiện cam kết chung của các quốc gia thành viên nhằm củng cố ngành công nghiệp tỷ đô này. Ban Thư ký Halal được kỳ vọng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối các nỗ lực khu vực và đảm bảo sự phát triển lâu dài của ngành.

Hiện nay, nhóm kỹ thuật về thực phẩm Halal của ASEAN thường xuyên họp để thống nhất những quy định về tiêu chuẩn Halal và tổ chức chứng nhận Halal ở khu vực. Một trong những kết quả từ các nỗ lực hợp tác này là sự tồn tại của "Hướng dẫn chung của ASEAN về chế biến thực phẩm Halal.

Tại Malaysia, Cục Phát triển Hồi giáo Malaysia (JAKIM) là một cơ quan thuộc Chính phủ Malaysia, có chức năng cấp phép chứng nhận Halal cho sản phẩm Hồi giáo khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu vào Malaysia. Hiện nay, JAKIM là

cơ quan cấp giấy chứng nhận Halal duy nhất tại Malaysia và cũng là cơ quan quản lý nhà nước, giám sát và thực thi các quy định Halal tại Malaysia. Malaysia đã ban hành Tiêu chuẩn Malaysia MS 1500:2009 để áp dụng cho các sản phẩm thực phẩm Halal được kinh doanh tại nước này. Mọi chứng nhận Halal phải được cấp bởi một trung tâm Hồi giáo Malaysia được JAKIM cho phép cấp giấy chứng nhận Halal. Các sản phẩm Halal nước ngoài nhập vào Malaysia phải được JAKIM thừa nhận. JAKIM cũng đã thừa nhận một tổ chức chứng nhận Halal của Việt Nam. Hiện nay, cộng đồng quốc tế đã nhìn nhận Malaysia là một trong những nước dẫn đầu trong ngành công nghiệp Halal bởi vì nước này đưa ra nhiều sáng kiến để xây dựng, phát triển và thúc đẩy các sản phẩm Halal ra thế giới.

Tại Singapore, Hội đồng học giả Hồi giáo Singapore (Majlis Ugama Islam Singapura – MUIS) chịu trách nhiệm quản lý về Halal theo sự ủy quyền của Chính phủ Singapore. Singapore quy định mọi loại thịt và các sản phẩm từ thịt phải được cấp chứng nhận Halal bởi một tổ chức Hồi giáo ở nước xuất khẩu và được MUIS chấp thuận. Ở Singapore có 03 cơ quan nhà nước cùng phối hợp với MUIS trong việc giải quyết các vấn đề về Halal gồm: Cục Kiểm soát thực phẩm thuộc Bộ Môi trường, Cục Thú y Nông nghiệp thuộc Bộ Phát triển quốc gia và Cục Tội phạm Thương mại thuộc Bộ Nội vụ.

Tại Thái Lan, Hội đồng Hồi giáo Trung ương Thái Lan (CICOT) là đơn vị phụ trách quản lý các vấn đề Halal. CICOT thành lập “Ban kiểm soát Tiêu chuẩn Halal” để xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn sản phẩm Halal của quốc gia nhằm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Halal quốc tế; công nhận hệ thống Halal cho các kiểm toán viên chứng nhận sản phẩm và kiểm soát chất lượng của các dịch vụ Halal. CICOT cũng thành lập “Viện Tiêu chuẩn Halal của Thái Lan” để thực hiện việc thúc đẩy hoạt động học tập và xúc tiến các vấn đề liên quan đến Halal.

Tại Indonesia, trước đây hoạt động chứng nhận Halal và kiểm soát hoạt động chứng nhận Halal do Hội đồng Học giả Hồi giáo Indonesia (MUI) phụ trách. Năm 2014, Indonesia ban hành Luật về Bảo đảm sản phẩm Halal, theo đó Cơ quan Bảo đảm sản phẩm Halal do Bộ trưởng thành lập. Đến nay, Cơ quan Bảo đảm sản phẩm Halal đã được Bộ Tôn giáo thành lập, có nhiệm vụ chứng nhận Halal và quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng nhận Halal ở Indonesia thay vì MUI như trước đây. Luật về Bảo đảm sản phẩm Halal cũng yêu cầu từ 17/10/2019, tất cả các sản phẩm được nhập khẩu, phân phối và kinh doanh trên lãnh thổ Indonesia phải được chứng nhận Halal.

1.2. Bối cảnh trong nước

Việt Nam có những lợi thế chiến lược to lớn để trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng Halal toàn cầu. Với vị thế là một cường quốc xuất khẩu nông sản, thủy sản, Việt Nam đã chứng tỏ năng lực đáp ứng các yêu cầu khắt khe của những thị trường khó tính nhất như EU, Mỹ, Nhật Bản. Bên cạnh đó, Việt Nam có tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, môi trường an toàn, chính trị ổn định cùng với hệ thống hạ tầng du lịch ngày càng hoàn thiện là những điều kiện thuận lợi để thu hút khách du lịch Halal, phát triển thị trường du lịch tiềm năng này. Nền tảng này, kết hợp với việc tham gia sâu rộng vào các hiệp định

thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, tạo ra một bộ phóng vững chắc để tiếp cận thị trường Halal. Hơn nữa, Việt Nam đang tích cực tăng cường quan hệ với các đối tác Hồi giáo quan trọng, thể hiện qua mục tiêu nâng kim ngạch thương mại với Malaysia, Indonesia, UAE và việc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện (CEPA) với UAE.

Tuy nhiên, khoảng cách giữa tiềm năng và thực tế còn rất lớn. Hiện nay, cả nước có khoảng 90.000 tín đồ Hồi giáo, nhưng chỉ có khoảng 1.000 doanh nghiệp có chứng nhận Halal⁷, một con số còn khiêm tốn. Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Halal chưa tương xứng với tiềm năng, và doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ đã có kinh nghiệm như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan. Đồng thời, việc thiếu các tiêu chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp du lịch trong xây dựng sản phẩm, tổ chức dịch vụ và đào tạo nhân lực phù hợp với yêu cầu Halal đang là rào cản lớn, khiến nhiều doanh nghiệp gặp lúng túng trong tiếp cận và khai thác thị trường khách Hồi giáo. Một trong những rào cản lớn nhất là sự đa dạng, phức tạp và chi phí cao của các tiêu chuẩn và chứng nhận Halal khác nhau từ các thị trường nhập khẩu, trong khi thiếu sự định hướng và hỗ trợ từ một khung pháp lý quốc gia thống nhất.

Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức này, Chính phủ Việt Nam đã có những bước đi chiến lược và bài bản. Ngày 14/02/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030". Đây là văn bản có ý nghĩa định hướng chiến lược, thể hiện quyết tâm chính trị ở cấp cao nhất trong việc phát triển ngành Halal thành một ngành kinh tế thế mạnh. Tiếp đó, một loạt các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) liên quan đến Halal đã được xây dựng và công bố, như TCVN 12944:2020 về yêu cầu chung cho thực phẩm Halal, TCVN 13710:2023 về giết mổ động vật, và đặc biệt là TCVN 13888:2023 về yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận Halal. Các TCVN này là công cụ kỹ thuật ban đầu, tạo nền tảng cho việc sản xuất và chứng nhận.

Mặc dù đã có chiến lược và các công cụ kỹ thuật, một mắt xích quan trọng vẫn còn thiếu: một khung pháp lý có tính ràng buộc để quản lý thống nhất hoạt động này trên toàn quốc. Đề án 10 là định hướng chính sách, còn các TCVN chủ yếu mang tính tự nguyện áp dụng. Hoạt động chứng nhận Halal vẫn diễn ra một cách tự phát, thiếu sự quản lý, giám sát của nhà nước, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Do đó, việc xây dựng và ban hành một Nghị định của Chính phủ về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal không chỉ là một quy định mới, mà là một nền tảng pháp lý thiết yếu. Nghị định này sẽ kích hoạt và trao quyền cho toàn bộ chiến lược quốc gia về Halal, chuyển hóa các mục tiêu chính sách thành các quyền và nghĩa vụ có thể thực thi, tạo ra sự công nhận cấp nhà nước cho chứng chỉ Halal của Việt Nam, và quan trọng nhất là cung cấp cơ sở pháp lý vững chắc cho các cơ quan đại diện ngoại giao khi đàm phán các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với các đối tác quốc tế.

⁷ Theo số liệu Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (Bộ NN&PTNT) cung cấp tại <https://baochinhphu.vn/viet-nam-san-sang-cho-san-xuat-san-pham-halal-102241022172605193.htm>

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

Việc xây dựng Nghị định là bước đi cụ thể hóa và triển khai đồng bộ các chủ trương lớn của Đảng và chính sách của Nhà nước, thể hiện sự chuyển đổi từ tư duy quản lý sang kiến tạo phát triển.

Thực thi chiến lược quốc gia: Nghị định là công cụ pháp lý thiết yếu để hiện thực hóa các mục tiêu trong Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm việc hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về Halal.

Quán triệt tinh thần cải cách thể chế: Dự thảo Nghị định thể chế hóa sâu sắc yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về việc “đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát bỏ tư duy ‘không quản được thì cấm’”. Thay vì cấm đoán hay tạo ra các rào cản không cần thiết, Nghị định kiến tạo một hành lang pháp lý minh bạch, công nhận và quản lý thống nhất hoạt động chứng nhận Halal, biến nó thành một lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam.

Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân: Nghị định đáp ứng trực tiếp yêu cầu của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về việc “loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo... cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật”. Bằng cách thống nhất hóa hệ thống quản lý, Nghị định sẽ giúp doanh nghiệp chấm dứt tình trạng phải xin nhiều loại chứng chỉ Halal khác nhau cho từng thị trường xuất khẩu, qua đó giảm thiểu đáng kể thời gian và chi phí tuân thủ.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI

1. Quan hệ xã hội chưa có pháp luật điều chỉnh liên quan đến dự thảo

Thực trạng hiện nay cho thấy sự tồn tại của một "khoảng trống pháp lý" trong việc quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal, dẫn đến các mối quan hệ xã hội giữa các bên liên quan (cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức chứng nhận, người tiêu dùng) trở nên thiếu minh bạch, không hiệu quả và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

1.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

Mối quan hệ giữa dự thảo Nghị định và hệ thống pháp luật hiện hành là mối quan hệ bổ sung, hoàn thiện và chuyên biệt hóa. Hiện tại, các hoạt động liên quan đến Halal đang được điều chỉnh một cách gián tiếp và chắp vá bởi các luật chung như Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật An toàn thực phẩm; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; và Nghị định số 107/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Tuy nhiên, các văn bản này được thiết kế cho bối cảnh chung và không thể bao quát hết các yêu cầu đặc thù mang tính tôn giáo, kỹ thuật và thương mại phức tạp của Halal. Sự thiếu vắng một văn bản chuyên ngành dẫn đến tình trạng lúng túng trong áp dụng pháp luật, tạo ra sự không chắc chắn về mặt pháp lý cho tất cả các bên tham gia. Dự thảo Nghị định được xây dựng để lấp đầy khoảng trống này, tạo ra một khung pháp lý rõ ràng, hài hòa và

tích hợp với hệ thống pháp luật hiện có, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, đồng thời tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật và tạo nền tảng cho các chính sách hỗ trợ phát triển ngành.

1.2. Tổ chức đánh giá sự phù hợp và chứng nhận Halal

Mối quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức chứng nhận Halal hiện nay là một mối quan hệ lỏng lẻo, thiếu cơ chế quản lý chính thức. Thị trường đang tồn tại nhiều tổ chức chứng nhận cả trong và ngoài nước, hoạt động một cách tự phát mà không có một cơ chế công nhận, chỉ định hay giám sát thống nhất từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này tạo ra một môi trường hỗn loạn. Đối với doanh nghiệp, họ không biết nên lựa chọn tổ chức chứng nhận nào để chứng chỉ được thị trường xuất khẩu chấp nhận, dẫn đến nguy cơ phải xin nhiều chứng chỉ cho cùng một sản phẩm, gây tốn kém chi phí và thời gian. Đối với uy tín quốc gia, việc thiếu một cơ quan đầu mối quản lý và bảo chứng làm giảm giá trị và độ tin cậy của các chứng chỉ Halal do các tổ chức tại Việt Nam cấp, gây bất lợi trong các cuộc đàm phán thừa nhận lẫn nhau trên trường quốc tế. Dự thảo Nghị định sẽ thiết lập mối quan hệ quản lý nhà nước trực tiếp và toàn diện, định rõ điều kiện hoạt động, quy trình công nhận, và cơ chế giám sát, xử lý vi phạm, đưa hoạt động này vào khuôn khổ pháp luật chặt chẽ.

1.3. Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal

Đối với các doanh nghiệp, mối quan hệ với nhà nước trong lĩnh vực Halal hiện nay là một mối quan hệ thiếu sự định hướng và hỗ trợ rõ ràng. Doanh nghiệp phải tự "boi" trong một "mê cung" các tiêu chuẩn Halal khác nhau của các thị trường, tự tìm kiếm các tổ chức chứng nhận mà không có sự hướng dẫn hay bảo trợ từ cơ quan quản lý. Chi phí chứng nhận cao và sự không chắc chắn về giá trị pháp lý của chứng chỉ là những rào cản lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kìm hãm sự tham gia của họ vào thị trường tiềm năng này. Dự thảo Nghị định sẽ xác lập mối quan hệ "quản lý nhà nước - đối tượng chịu sự điều chỉnh" một cách minh bạch. Nghị định sẽ quy định các yêu cầu, tiêu chuẩn bắt buộc, tạo ra một sân chơi bình đẳng và một lộ trình rõ ràng cho doanh nghiệp. Đồng thời, một khung pháp lý chính thức cũng là cơ sở để nhà nước triển khai các chính sách hỗ trợ hiệu quả về kỹ thuật, xúc tiến thương mại và đầu tư.

1.4. Người tiêu dùng và người Hồi giáo

Đối với người Hồi giáo, Nghị định về quản lý Halal có vai trò cốt lõi là bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong việc tiêu dùng. Bằng cách đặt ra các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn và chứng nhận, Nghị định đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ được tuyên bố là Halal thực sự tuân thủ luật Shari'ah, giúp người Hồi giáo trong nước và quốc tế có thể an tâm lựa chọn và sử dụng mà không vi phạm các nguyên tắc tôn giáo. Đồng thời, Nghị định cũng bảo vệ tất cả người tiêu dùng nói chung khỏi các hành vi gian lận thương mại, ghi nhãn sai sự thật về tình trạng Halal, đảm bảo quyền được thông tin chính xác về sản phẩm.

Một chức năng quan trọng khác của Nghị định đối với người tiêu dùng là tăng cường tính minh bạch trên thị trường. Thông qua việc yêu cầu chứng nhận

từ các tổ chức được công nhận và quy định cách thức ghi nhãn Halal một cách chuẩn hóa, rõ ràng, Nghị định cung cấp cho người tiêu dùng một dấu hiệu nhận biết đáng tin cậy. Điều này giúp họ có cơ sở thông tin vững chắc để đưa ra những lựa chọn tiêu dùng phù hợp với nhu cầu, niềm tin hoặc các tiêu chí cá nhân khác một cách sáng suốt và tự tin hơn.

Sự can thiệp quản lý của Nhà nước thông qua việc ban hành và thực thi Nghị định đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng lòng tin. Khi người tiêu dùng biết rằng có một khung pháp lý chính thức điều chỉnh các tiêu chuẩn Halal, giám sát hoạt động của cả doanh nghiệp sản xuất lẫn các tổ chức chứng nhận, niềm tin của họ vào tính xác thực của nhãn Halal trên thị trường sẽ được củng cố. Điều này tạo ra sự an tâm lớn hơn so với việc chỉ dựa vào tuyên bố của nhà sản xuất, đặc biệt quan trọng đối với một lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến tôn giáo và niềm tin.

Một hệ quả tích cực tiềm năng từ việc ban hành và thực thi hiệu quả Nghị định là có thể thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường Halal. Khi có quy định rõ ràng và môi trường kinh doanh minh bạch hơn, nhiều doanh nghiệp có thể được khuyến khích đầu tư sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ Halal đạt chuẩn. Điều này có thể dẫn đến sự gia tăng về số lượng, chủng loại và mức độ phổ biến của các lựa chọn Halal trên thị trường, giúp người tiêu dùng, nhất là cộng đồng Hồi giáo, dễ dàng tiếp cận hơn với các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của mình.

1.5. Cơ quan quản lý nhà nước

Một trong những vai trò cơ bản và quan trọng nhất của Nghị định về quản lý Halal là việc phân công, phân cấp một cách rõ ràng, minh bạch trách nhiệm và thẩm quyền cho các cơ quan quản lý nhà nước (CQQLNN) liên quan. Nghị định sẽ xác định cụ thể cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp trong từng nội dung quản lý, từ xây dựng tiêu chuẩn, công nhận tổ chức chứng nhận, quản lý an toàn thực phẩm, xúc tiến thương mại, quản lý du lịch Halal, đền thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm ở cả cấp trung ương và địa phương. Việc này giúp khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ, tạo sự mạch lạc và xác định rõ trách nhiệm giải trình của từng cơ quan.

Nghị định đóng vai trò là công cụ pháp lý nền tảng, trao quyền cho các CQQLNN thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Halal. Dựa trên Nghị định, các cơ quan có thẩm quyền có cơ sở pháp lý để ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết (nếu cần), thực hiện việc cấp phép hoặc công nhận cho các tổ chức liên quan (như tổ chức chứng nhận), tiến hành các hoạt động kiểm tra việc tuân thủ quy định Halal đối với doanh nghiệp, và quan trọng là áp dụng các biện pháp chế tài cần thiết khi phát hiện vi phạm. Thiếu Nghị định, các hoạt động quản lý này có thể thiếu cơ sở pháp lý vững chắc và thống nhất.

Do tính chất liên ngành của lĩnh vực Halal (liên quan đến khoa học công nghệ, công thương, y tế, nông nghiệp, du lịch, tôn giáo...), Nghị định cần thiết phải thiết lập các nguyên tắc hoặc cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các Bộ, ngành ở

trung ương cũng như giữa trung ương và địa phương. Cơ chế phối hợp này đảm bảo thông tin được chia sẻ, các hoạt động quản lý được triển khai đồng bộ, thống nhất, tránh tạo ra những quy định mâu thuẫn hoặc gây khó khăn không cần thiết cho đối tượng quản lý, nâng cao hiệu lực tổng thể của công tác quản lý nhà nước.

Việc triển khai thực hiện một Nghị định mới và chuyên biệt như về Halal cũng đặt ra yêu cầu đối với chính các CQQLNN về việc nâng cao năng lực. Điều này bao gồm việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về Halal cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực thi; bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính) phù hợp; và có thể cần điều chỉnh cơ cấu tổ chức hoặc quy trình làm việc nội bộ để đáp ứng hiệu quả các nhiệm vụ quản lý mới được giao trong Nghị định.

Các mục tiêu, yêu cầu và quy định cụ thể trong Nghị định sẽ trở thành hệ quy chiếu, thước đo để Chính phủ và các cơ quan cấp trên thực hiện việc giám sát, đánh giá kết quả và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về Halal của các Bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, Nghị định cũng là căn cứ để quy định chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất từ các CQQLNN về tình hình thực thi pháp luật và các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực Halal, giúp Chính phủ nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời.

2. Lý do cần có quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Việc ban hành Nghị định của Chính phủ là yêu cầu cấp thiết và mang tính bắt buộc để giải quyết các bất cập nêu trên, cụ thể:

- Kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch: Nghị định sẽ thiết lập một "sân chơi bình đẳng" bằng cách đưa hoạt động chứng nhận vào khuôn khổ pháp luật chặt chẽ, quy định rõ ràng điều kiện hoạt động, quy trình công nhận và cơ chế giám sát. Điều này giúp doanh nghiệp lựa chọn đúng tổ chức chứng nhận uy tín và được quốc tế thừa nhận.

- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng: Bằng cách đặt ra các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn và chứng nhận, Nghị định đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ được tuyên bố là Halal thực sự tuân thủ luật Shari'ah. Điều này không chỉ bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng trong tiêu dùng mà còn xây dựng lòng tin cho người tiêu dùng vào nhãn Halal trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hội nhập quốc tế: Nghị định sẽ phân công rõ ràng trách nhiệm cho các cơ quan quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ. Quan trọng hơn, đây là nền tảng pháp lý thiết yếu để các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam có cơ sở đàm phán các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với các đối tác quốc tế, mở đường cho hàng hóa Việt Nam vào thị trường Halal toàn cầu.

3. Thẩm quyền ban hành các quy định của pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội

Trên cơ sở chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 10232/VPCP-KGVX và Công văn số 173/VPCP-KGVX, việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức Nghị định để điều chỉnh

lĩnh vực này là hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Chính phủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Những nội dung khác (nếu có)

III. Đề xuất, kiến nghị

Qua đánh giá thực trạng các quan hệ xã hội liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam cho thấy một số bất cập và yêu cầu cấp thiết cần giải quyết, cụ thể như sau:

Về hành lang pháp lý, hiện đang thiếu vắng một khung pháp luật chuyên ngành, thống nhất điều chỉnh trực tiếp các yêu cầu về chất lượng, chứng nhận và quản lý nhà nước đối với sản phẩm, dịch vụ Halal. Các quy định trong các luật hiện hành (như Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật An toàn thực phẩm; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật) chỉ mang tính nguyên tắc chung, chưa đủ để giải quyết các vấn đề đặc thù của lĩnh vực Halal, dẫn đến sự không thống nhất trong việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

Về hoạt động đánh giá sự phù hợp và chứng nhận Halal, đang tồn tại nhiều tổ chức chứng nhận trong và ngoài nước cùng hoạt động nhưng thiếu một cơ chế quản lý, công nhận và giám sát thống nhất từ cơ quan nhà nước. Điều này gây khó khăn trong việc đảm bảo năng lực, tính khách quan của tổ chức chứng nhận, giá trị pháp lý và sự thừa nhận quốc tế của chứng chỉ Halal được cấp, đồng thời gây lúng túng cho các tổ chức khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp hướng tới xuất khẩu, gặp nhiều khó khăn do phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn Halal khác nhau từ các thị trường nhập khẩu, chi phí chứng nhận còn cao và phức tạp, thiếu sự hướng dẫn kỹ thuật và quy định rõ ràng từ cơ quan quản lý, làm hạn chế khả năng cạnh tranh và khai thác tiềm năng của thị trường Halal toàn cầu.

Về phía người tiêu dùng, niềm tin vào sản phẩm Halal chưa cao do thiếu thông tin minh bạch, khó khăn trong việc nhận biết sản phẩm đúng chuẩn và thiếu cơ chế kiểm soát, bảo vệ quyền lợi hiệu quả khi có vi phạm xảy ra.

Trong công tác quản lý nhà nước, còn có sự phân công trách nhiệm chưa rõ ràng, thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành trong quản lý lĩnh vực Halal, đồng thời thiếu các công cụ pháp lý cần thiết để triển khai hiệu quả Đề án phát triển ngành Halal theo Quyết định số 10/QĐ-TTg và thúc đẩy hợp tác, thừa nhận lẫn nhau về chứng nhận Halal với các quốc gia khác.

Thực trạng trên cho thấy việc ban hành Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal là hết sức cần thiết nhằm tạo lập một môi trường pháp lý đồng bộ, minh bạch, hài hòa với thông lệ quốc tế, qua đó bảo vệ người tiêu dùng, hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần phát triển bền vững ngành Halal tại Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo

Nghị định quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định

Phụ lục

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị: “đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát bỏ tư duy “không quản được thì cấm”	Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng tạo dựng một hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch và hài hòa với thông lệ quốc tế. Thay vì tạo ra các rào cản hay giấy phép không cần thiết, Nghị định tập trung vào việc công nhận, quản lý thống nhất hoạt động chứng nhận Halal, tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp cơ sở pháp lý để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thị trường toàn cầu, biến chứng nhận Halal Việt Nam thành một lợi thế cạnh tranh.	Đã thể chế đầy đủ	
Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị: “hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo... cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành	Mục tiêu cốt lõi của Nghị định là khắc phục tình trạng các quy định về Halal bị phân mảnh, chồng chéo và thiếu thống nhất như hiện nay. Bằng cách thiết lập một khung pháp lý duy nhất, quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức chứng nhận và cơ chế thừa nhận lẫn nhau, Nghị định sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu đáng kể thời gian và chi phí khi không phải xin nhiều loại chứng chỉ khác nhau cho từng thị trường, qua đó	Đã thể chế đầy đủ	

chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật”	đơn giản hóa thủ tục và cắt giảm chi phí tuân thủ.		
Coi trọng phát triển ngành công nghiệp Halal như một động lực tăng trưởng mới (Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Chương V: Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal. Các điều khoản trong chương này, như Điều 22 về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường và Điều 23 về chính sách hỗ trợ nguồn lực, cho thấy sự ưu tiên và quan tâm của Nhà nước trong việc tạo điều kiện thuận lợi để ngành Halal Việt Nam phát triển, khai thác tiềm năng thị trường	Đã thể chế đầy đủ	
Xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái Halal đồng bộ (Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Dự thảo Nghị định góp phần xây dựng hệ sinh thái này thông qua việc quy định chặt chẽ các yếu tố liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal từ nguyên liệu, sản xuất, chế biến đến bao gói, lưu trữ, vận chuyển. Đồng thời, Dự thảo cũng quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp và chứng nhận Halal, một mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái Halal. Các chính sách hỗ trợ tại Chương VI cũng hướng đến phát triển các yếu tố của hệ sinh thái như hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức chứng nhận, thử nghiệm, người tiêu dùng.	Đã thể chế đầy đủ	
Đẩy mạnh hợp tác quốc tế (Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Chủ trương này được thể hiện rõ tại Điều 21: Chính sách về hợp tác quốc tế. Dự thảo đề cập đến việc chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về Halal, hỗ trợ tổ chức chứng nhận của	Đã thể chế đầy đủ	

	Việt Nam đạt công nhận quốc tế, và trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc làm đầu mối hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực Halal.		
Hoàn thiện khung pháp lý và tiêu chuẩn (Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Toàn bộ Dự thảo Nghị định là một nỗ lực nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam. Điều 4: nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal; Điều 5. Tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal quy định việc xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về Halal, phù hợp với chủ trương xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia. Các quy định về ghi nhãn và dấu chứng nhận Halal tại Chương III và công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc tại Điều 6, Điều 8 cũng góp phần tạo dựng sự minh bạch và tuân thủ pháp luật.	Đã thể chế đầy đủ	
Nâng cao nhận thức và năng lực cho doanh nghiệp (Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Chính sách hỗ trợ nguồn lực tại Điều 23 bao gồm các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp về tư vấn xây dựng hệ thống quản lý Halal, chi phí chứng nhận lần đầu. Ngoài ra, chính sách đào tạo nguồn nhân lực tại Khoản 4 Điều 23 nhấn mạnh việc khuyến khích đào tạo về khoa học và công nghệ Halal, hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, và kiến thức về luật Hồi giáo, đồng thời hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về Halal.	Đã thể chế đầy đủ	

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal 1. Tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal được xây dựng, công bố và áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Quá trình xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal phải đảm bảo có sự tham gia của đại diện Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các chuyên gia là người Hồi giáo có chuyên môn sâu về các yêu cầu Halal để tham vấn, thẩm định các nội dung liên quan. 2. Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài: a) Trường hợp sản xuất để xuất khẩu: Cơ sở sản xuất áp dụng tiêu chuẩn theo yêu cầu, thỏa thuận hoặc hợp đồng với tổ chức, cá	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật Điều 6. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật 4. Việc xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phải: b) Sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia; Điều 13. Căn cứ xây dựng tiêu chuẩn Tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên một hoặc những căn cứ sau đây: 1. Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;	Phù hợp và thống nhất. Quy định tại Dự thảo Nghị định là sự cụ thể hóa các nguyên tắc và quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật vào lĩnh vực đặc thù là Halal. Việc cho phép và khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực là hoàn toàn thống nhất với định hướng của Luật, giúp tạo thuận lợi cho thương mại và hội nhập.	Giữ nguyên

nhân nhập khẩu; b) Trường hợp sản xuất hoặc nhập khẩu để tiêu thụ trong nước: Cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu áp dụng tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau hoặc tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực của các nước Hồi giáo. 3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm, dịch vụ Halal của mình, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng. Tiêu chuẩn cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu chung của các tiêu chuẩn Halal quốc tế, khu vực được thừa nhận rộng rãi.. 4. Các tiêu chuẩn được áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ Halal theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này không được trái với các quy định pháp luật của Việt	Điều 20. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở 2. Tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng dựa trên thành tựu khoa học và công nghệ, nhu cầu và khả năng thực tiễn của cơ sở. Khuyến khích sử dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm tiêu chuẩn cơ sở. 3. Tiêu chuẩn cơ sở không được trái với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật có liên quan.		
--	---	--	--

Nam.			
Điều 6. Công bố tiêu chuẩn áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm Halal hoặc cung cấp dịch vụ Halal thực hiện việc tự công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ của mình trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường Việt Nam. Việc tự công bố phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định này. 2. Trường hợp lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, hoặc tiêu chuẩn nước ngoài về Halal, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tiêu chuẩn đó không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, bảo vệ môi trường và các yêu cầu pháp lý bắt buộc khác. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm: a) Lưu giữ bản chính hoặc bản sao hợp lệ của tiêu chuẩn đã công bố áp	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa Điều 10. Nghĩa vụ của người sản xuất 1. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với sản phẩm trước khi đưa ra thị trường theo quy định tại Điều 28 của Luật này và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất. 2. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hóa, bao bì, trong tài liệu kèm theo hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. 3. Thông tin trung thực về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Điều 12. Nghĩa vụ của người nhập khẩu 1. Tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 34 của Luật này. 2. Chịu trách nhiệm về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do mình nhập khẩu.	Phù hợp và thống nhất. Các quy định này cụ thể hóa nghĩa vụ công bố tiêu chuẩn và ghi nhãn hàng hóa đã được quy định trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Việc yêu cầu thêm các thông tin đặc thù như "HALAL" và thông tin về chứng nhận là cần thiết để đảm bảo tính minh bạch, trung thực và bảo vệ người tiêu dùng Hồi giáo, hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc quản lý chất lượng.	Giữ nguyên

dụng tại nơi sản xuất, kinh doanh; b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ về tiêu chuẩn áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra. Trường hợp tiêu chuẩn gốc không được ban hành bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, tổ chức, cá nhân chỉ phải cung cấp bản dịch tiếng Việt có công chứng hoặc xác nhận hợp pháp khi cơ quan thanh tra, kiểm tra có yêu cầu bằng văn bản. 3. Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung công bố và phải đảm bảo rằng sản phẩm, dịch vụ Halal của mình luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn đã công bố trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh, cung cấp. Điều 8. Yêu cầu về ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal 1. Việc ghi nhãn sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp	3. Thông tin trung thực về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Điều 23. Công bố tiêu chuẩn áp dụng 1. Người sản xuất, người nhập khẩu tự công bố các đặc tính cơ bản, thông tin cảnh báo, số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa hoặc một trong các phương tiện sau đây: a) Bao bì hàng hóa; b) Nhãn hàng hóa; c) Tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa. 2. Nội dung của tiêu chuẩn công bố áp dụng không được trái với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Điều 28. Điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường 1. Người sản xuất phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất như sau: a) Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố		
--	---	--	--

luật về nhãn hàng hóa và phải được ghi rõ cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc từ "HALAL" (bằng chữ Latinh in hoa) trên nhãn hàng hóa đảm bảo rõ ràng, dễ nhận biết, ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, không thể tẩy xóa trước khi lưu thông trên thị trường Việt Nam. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cụm từ này có thể được ghi bằng tiếng Anh ("HALAL PRODUCT" hoặc "HALAL") hoặc bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu, nếu được yêu cầu hoặc chấp nhận. 2. Các trường hợp sau đây không bắt buộc phải ghi rõ cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc từ "HALAL" trên nhãn theo quy định tại khoản 1 Điều này: a) Sản phẩm đã được tổ chức chứng nhận Halal cấp Giấy chứng nhận và quyền sử dụng Dấu chứng nhận Halal; b) Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm để sản xuất, gia công, chế biến không bán trực tiếp cho người tiêu dùng	áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. b) Công bố tiêu chuẩn áp dụng quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Điều 34. Điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu 1. Hàng hóa nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định tại Điều 23 của Luật này và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.		
--	--	--	--

nhưng tình trạng Halal của sản phẩm phải được công bố rõ ràng trong hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hoặc hợp đồng thương mại đi kèm. 3. Việc sử dụng dấu chứng nhận Halal của các tổ chức chứng nhận Halal trên nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc trong tài liệu quảng bá, giới thiệu sản phẩm Halal phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của tổ chức chứng nhận Halal đó. 4. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đối với sản phẩm Halal thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện truy xuất nguồn gốc theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.			
Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận Halal	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP	Phù hợp và thống nhất. Quy định tại Dự thảo là sự cụ	Giữ nguyên.

Tổ chức thực hiện hoạt động chứng nhận Halal phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13888 hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tương đương về yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận Halal được công nhận. 3. Có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) là người Hồi giáo đáp ứng các điều kiện sau: a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên; b) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về chuyên gia đánh giá chứng nhận Hệ thống	Điều 17. Điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý 1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065:2013 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với chứng nhận chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1:2015 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương	thể hóa các điều kiện chung của Nghị định 107/2016/NĐ-CP cho lĩnh vực đặc thù là chứng nhận Halal. Việc yêu cầu áp dụng TCVN 13888 (tiêu chuẩn về yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận Halal) và yêu cầu chuyên gia đánh giá phải là người Hồi giáo là điều kiện đặc thù, cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp và sự công nhận của chứng nhận Halal theo đúng bản chất của Luật Hồi giáo, không trái với quy định khung của pháp luật.	
---	--	---	--

quản lý chất lượng hoặc hệ thống quản lý an toàn thực phẩm hoặc chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật; c) Được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kiến thức yêu cầu Halal theo tiêu chuẩn tương ứng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal đăng ký do tổ chức ban hành tiêu chuẩn hoặc tổ chức tôn giáo Hồi giáo được pháp luật Việt Nam công nhận thực hiện; d) Có kinh nghiệm đánh giá với ít nhất 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng. Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal 1. Hồ sơ đề nghị cấp mới gồm các thành phần sau: a) Bản chính Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số	ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý. 3. Có ít nhất 04 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau: a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp đối với chương trình chứng nhận; b) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật. Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ thuật chứng nhận sản phẩm chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong trường hợp có quy định; d) Có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận tương ứng.		
---	--	--	--

154/2018/NĐ-CP; b) Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động đối với mỗi chuyên gia đánh giá; Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của chuyên gia đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này: Bản sao hợp lệ chứng chỉ công nhận còn hiệu lực đối với phạm vi đăng ký do tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 hoặc Điều 25 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; d) Mẫu Giấy chứng nhận Halal và Dấu chứng nhận Halal. 2. Hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi gồm: a) Bản chính Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP	Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận, phải có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực chứng nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản này. Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: a) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này; b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý do Bộ Khoa học và Công nghệ giao trách nhiệm thực hiện. 2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:		
---	--	--	--

được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; b) Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động và Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của chuyên gia đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này đối với chuyên gia đánh giá bổ sung; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này: Bản sao hợp lệ chứng chỉ công nhận còn hiệu lực đối với phạm vi đăng ký bổ sung do tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 hoặc Điều 25 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; 3. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm: a) Bản chính Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;	a) Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; c) Danh sách chuyên gia đánh giá theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá; d) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này, cụ thể như sau: Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức		
---	--	--	--

b) Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (nếu bị hư hỏng).

4. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal

1. Tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này đến Bộ Khoa học và Công nghệ qua Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal được thực hiện theo quy định đối với tổ chức chứng nhận tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

công nhận quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng có phạm vi đăng ký hoạt động rộng hơn phạm vi được công nhận, tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình chứng nhận, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này đối với phạm vi chưa được công nhận.

Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận, tổ chức chứng nhận nộp các tài liệu, quy trình đánh giá và các tài liệu liên quan khác để chứng minh năng lực hoạt động phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

	đ) Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận. 3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm: a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Danh sách bổ sung, sửa đổi chuyên gia đánh giá theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này, cụ thể như sau:		
--	--	--	--

	Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận nước ngoài quy định tại Điều 25 Nghị định này công nhận nhưng có phạm vi đăng ký hoạt động rộng hơn phạm vi được công nhận, tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình chứng nhận, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này đối với phạm vi chưa được công nhận. Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận, tổ chức chứng nhận nộp các tài liệu, quy trình đánh giá và các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động phù hợp với		
--	--	--	--

	các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này. 4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Bản chính Giấy chứng nhận bị hư hỏng (nếu có) đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng. 5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Điều 19. Hình thức nộp hồ sơ Tổ chức chứng nhận lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định này và nộp theo một trong các hình thức sau: 1. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, bản sao các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 18		
--	--	--	--

	Nghị định này chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu. 2. Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức chứng nhận phải nộp bản sao đã được chứng thực các chứng chỉ, tài liệu quy định tại Điều 18 Nghị định này. 3. Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến. Điều 20. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 1. Trường hợp cấp mới: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung; b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận		
--	--	--	--

	theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không quá 05 năm kể từ ngày cấp. 2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi: a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận; b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này; c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đã được cấp. 3. Trường hợp cấp lại: a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức; b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức chứng nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận	
--	---	--

	phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đã được cấp.		
Điều 16. Thừa nhận kết quả chứng nhận Halal của tổ chức nước ngoài 1. Kết quả chứng nhận Halal, dấu chứng nhận Halal do tổ chức chứng nhận nước ngoài cấp được xem xét, thừa nhận tại Việt Nam đối với các sản phẩm, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam khi tổ chức chứng nhận	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật Điều 8. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật 2. Nhà nước tạo điều kiện và có biện pháp thúc đẩy việc ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương về thừa nhận lẫn nhau đối với kết quả đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ.	Phù hợp và thống nhất. Các quy định này là sự triển khai, cụ thể hóa chủ trương và chính sách của Nhà nước về hợp tác quốc tế và thừa nhận lẫn nhau đã được quy định trong Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, áp dụng trực tiếp cho lĩnh vực Halal nhằm thúc đẩy xuất khẩu và hội nhập.	Giữ nguyên

đáp ứng một trong các điều kiện sau: a) Hoạt động trong khuôn khổ Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) đa phương hoặc song phương về Halal mà Việt Nam là thành viên; b) Được một tổ chức công nhận là thành viên ký Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Diễn đàn Công nhận Châu Á – Thái Bình Dương (APAC) công nhận về năng lực hoạt động chứng nhận Halal phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17065 hoặc các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực tương đương khác; c) Được một trong các cơ quan có thẩm quyền về Halal có uy tín trên thế giới công nhận hoặc thừa nhận, bao gồm: Cục Phát triển Hồi giáo Malaysia (JAKIM), Cơ quan Tổ chức Đảm bảo sản phẩm Halal Indonesia (BPJPH), Hội đồng Hồi giáo Trung ương Thái Lan (CICOT), Trung tâm Halal Ả Rập Xê-út (Saudi Halal Center) hoặc các cơ quan tương đương khác.	Điều 57. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau 1. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau bao gồm: a) Việc Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Việc tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam và tổ chức đánh giá sự phù hợp của các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên.		
--	--	--	--

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phân phối sản phẩm tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng chứng minh hoạt động chứng nhận Halal đối với sản phẩm của mình đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này cho cơ quan kiểm tra nhà nước khi có yêu cầu. 4. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện thông qua các thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp. 5. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chủ trì công bố trên Cổng thông tin điện tử của mình danh sách các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại điểm a khoản 2 và hướng dẫn việc tra cứu, xác minh thông tin về các tổ chức được thừa nhận quy định tại điểm b, c Khoản 2 Điều này. Điều 21. Chính sách về hợp tác			
--	--	--	--

quốc tế 1. Chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) và các thỏa thuận quốc tế phù hợp khác về Halal, nhất là với các quốc gia Hồi giáo và đối tác quan trọng, nhằm hài hòa tiêu chuẩn, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp và tạo thuận lợi thương mại. 2. Chủ động, tích cực tham gia với tư cách thành viên chính thức tại Viện Tiêu chuẩn và Đo lường cho các quốc gia Hồi giáo (SMIIC) và các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực về tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp Halal nhằm nắm bắt thông tin, xu hướng và góp phần xây dựng các chuẩn mực chung, tạo thuận lợi cho việc hài hòa tiêu chuẩn và công nhận lẫn nhau. 3. Hỗ trợ các tổ chức chứng nhận Halal của Việt Nam nâng cao năng lực, đạt công nhận/thừa nhận quốc tế, và được các nước, vùng lãnh thổ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu mục			
--	--	--	--

tiêu, chấp nhận kết quả chứng nhận. 4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách quy định tại Điều này.			
Điều 22. Chính sách về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường 1. Ưu tiên lồng ghép và hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu, phát triển thị trường cho sản phẩm, dịch vụ Halal trong Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và các chương trình phát triển thị trường liên quan khác, trong đó hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp tham dự các hội chợ, triển lãm, diễn đàn, sự kiện kết nối giao thương chuyên ngành Halal uy tín tại nước ngoài 2. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ Halal đạt chất lượng và uy tín tham gia Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam, đồng thời gắn kết quảng bá sản phẩm Halal đạt Thương hiệu quốc gia ra thị trường	Luật Thương mại Điều 3. Giải thích từ ngữ 10. Xúc tiến thương mại là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ, bao gồm hoạt động khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ và hội chợ, triển lãm thương mại. Chương IV. XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	Phù hợp và thống nhất. Chính sách về xúc tiến thương mại cho sản phẩm Halal là các biện pháp cụ thể của nhà nước nhằm thúc đẩy một ngành hàng tiềm năng. Các chính sách này hoàn toàn nằm trong khuôn khổ và phù hợp với các quy định chung về hoạt động xúc tiến thương mại của Luật Thương mại.	Giữ nguyên.

thế giới. 3. Khuyến khích hỗ trợ các hoạt động xúc tiến du lịch Halal, ưu tiên đưa Việt Nam trở thành điểm đến thân thiện với người Hồi giáo. Trong đó ưu tiên hỗ trợ chi phí cho quảng bá du lịch Halal, cho doanh nghiệp tham hoạt động phát triển thị trường du lịch Halal thông quan việc tham dự hội chợ, triển lãm, sự kiện. 4. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan xây dựng, triển khai các hoạt động cụ thể để thực hiện chính sách tại Điều này.			
Điều 23. Chính sách về hỗ trợ nguồn lực 1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hệ thống quản lý đảm bảo Halal, chi phí đào tạo và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện thông qua Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó sản phẩm Halal định hướng xuất khẩu	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung năm 2025 Điều 6c. Hỗ trợ nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong hạ tầng chất lượng quốc gia 1. Tôn vinh, khen thưởng tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tôn vinh sản phẩm, hàng hóa thông qua giải thưởng chất lượng sản phẩm,	Phù hợp và thống nhất. Chính sách về xúc tiến thương mại cho sản phẩm Halal là các biện pháp cụ thể của nhà nước nhằm thúc đẩy một ngành hàng tiềm năng. Các chính sách này hoàn toàn nằm trong khuôn khổ và phù hợp với các quy định chung về hỗ trợ nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong hạ tầng chất lượng quốc gia của	Giữ nguyên

được xác định là lĩnh vực ưu tiên. 2. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm Halal xuất khẩu được ưu tiên xem xét, hỗ trợ một lần chi phí thử nghiệm và chứng nhận theo cơ chế hỗ trợ đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 3. Khuyến khích và hỗ trợ cho các doanh nghiệp có sản phẩm Halal uy tín tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các doanh nghiệp Halal đạt giải sẽ được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. 4. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, pháp lý và kỹ thuật thông qua Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia được xây dựng như một hợp phần chuyên biệt, tích hợp và kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.	hàng hóa. 2. Giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định như sau: a) Giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa bao gồm Giải thưởng chất lượng quốc gia và giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân; b) Điều kiện, tiêu chí, thủ tục xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia do Chính phủ quy định; c) Điều kiện, tiêu chí, thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. 3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định của pháp luật với các nội dung sau đây: a) Hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước thông qua chương trình tài trợ cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm, công nghệ và cải tiến chất lượng sản phẩm; b) Tạo điều kiện tham gia chương trình hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao giá trị thương	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
--	--	---	--

	hiệu quốc gia; c) Hỗ trợ việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp; d) Hỗ trợ việc xây dựng và phát triển thương hiệu quốc gia, thông qua việc quảng bá sản phẩm đạt giải thưởng, giúp tăng thị phần trong và ngoài nước; đ) Hỗ trợ trong việc phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường, công nghệ xanh và giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. 4. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng theo quy định của pháp luật với các nội dung sau đây: a) Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản và đặc thù theo ngành, lĩnh vực; tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới; hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; b) Tư vấn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng		
--	---	--	--

	hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; hoạt động tư vấn, thử nghiệm và chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế theo hình thức tài trợ không hoàn lại. 5. Nhà nước chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thử nghiệm đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật.		
--	--	--	--

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo: Không